TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số 244/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Gia Lâm, ngày 21 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 246/2020/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, về việc: Xin ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993;

Đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992;

Đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn Tô Khê, xã Phú Thị, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị L, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Đ và chị L xác nhận anh và chị không có con chung, anh Đ và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung nên không xét.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh Đ và chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung. Anh Đ và chị L không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Anh Đ và chị L xác nhận vợ chồng không có nợ chung. Anh Đ và chị L không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng nên không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005329 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Hoàn trả anh Nguyễn Văn Đ 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Ngân

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Y, Gia Lâm (theo GCNKH số 36/2016 ngày 17/5/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.